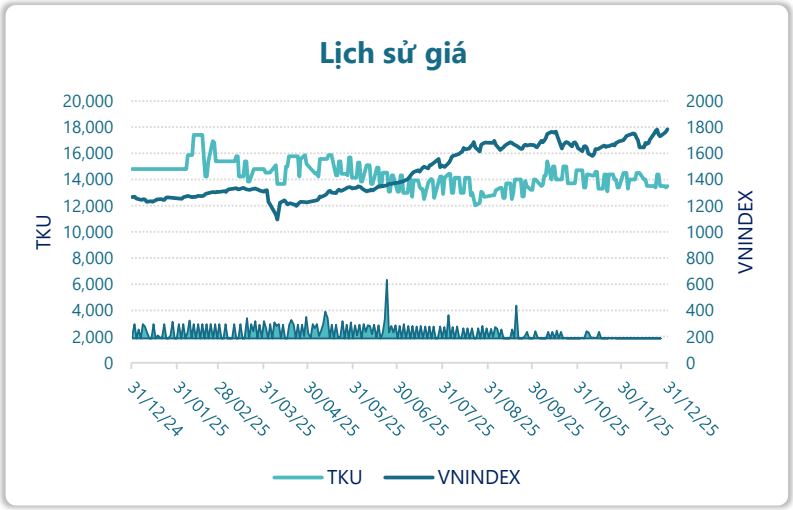
FireAnt

CTCP Công nghiệp Tung Kuang (HNX: TKU)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**13,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,409
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,023
SL cổ phiếu LH	46,881,398
KLGD BQ 20 phiên (CP)	930
% sở hữu nước ngoài	52.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	633
P/E	19.5
EPS	691

DT thuần

Q4/25

164

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 22.0| 15.3%

YoY: ▼36.0| -18.1%

LN sau thuế

Q4/25

8.63

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.0| 360%

YoY: ▼6.67| -43.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

7.7%

+/- YoY: ▼ 0.8%

DT thuần

2025

691

tỷ VNĐ

YoY: ▼128| -15.6%

LN sau thuế

2025

32.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼20.2| -38.4%

ROE

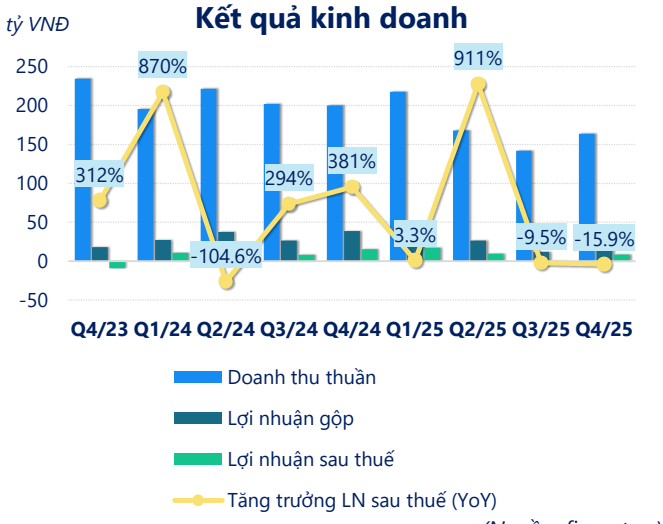
2025

5.9%

+/- YoY: ▼ 4.2%

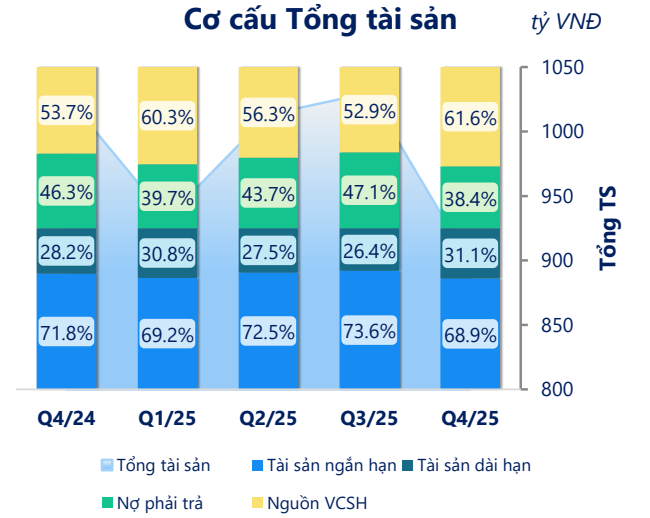
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



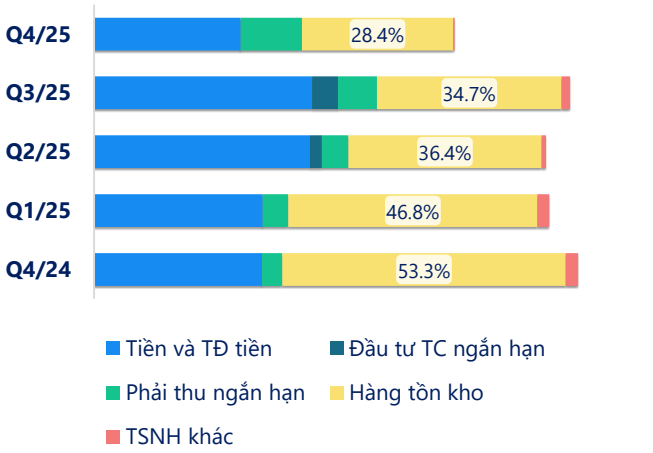
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



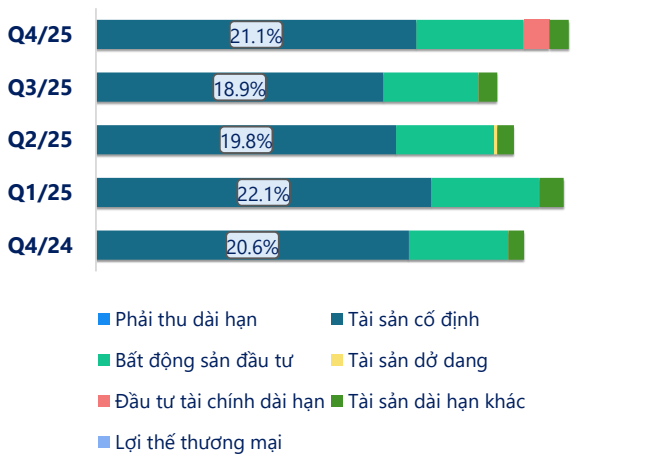
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



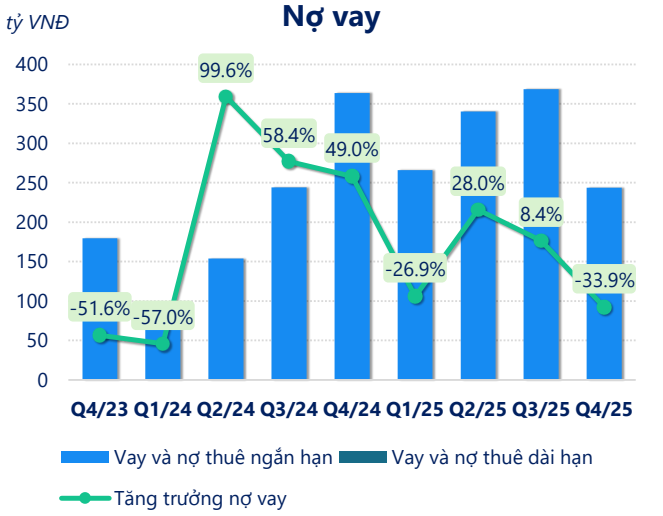
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



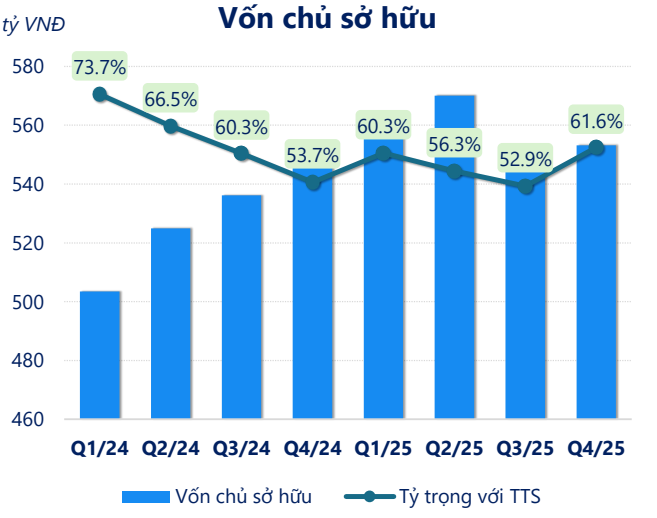
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



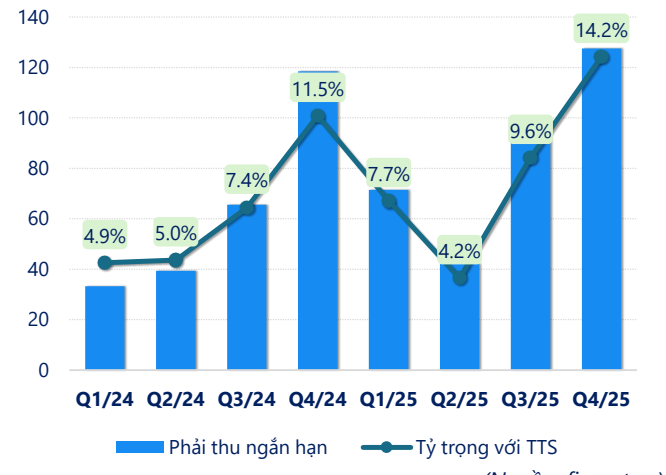
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



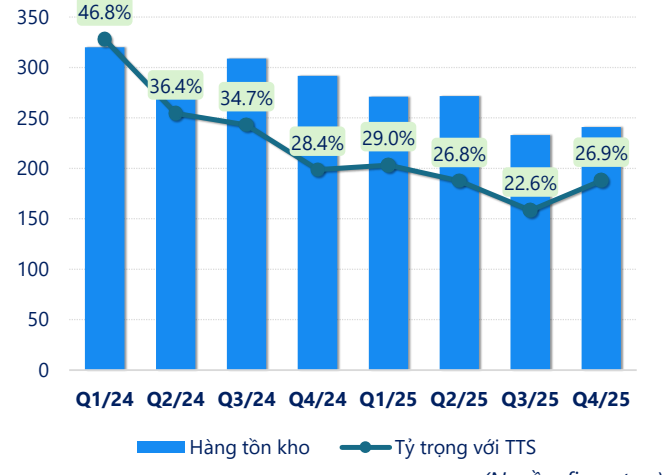
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



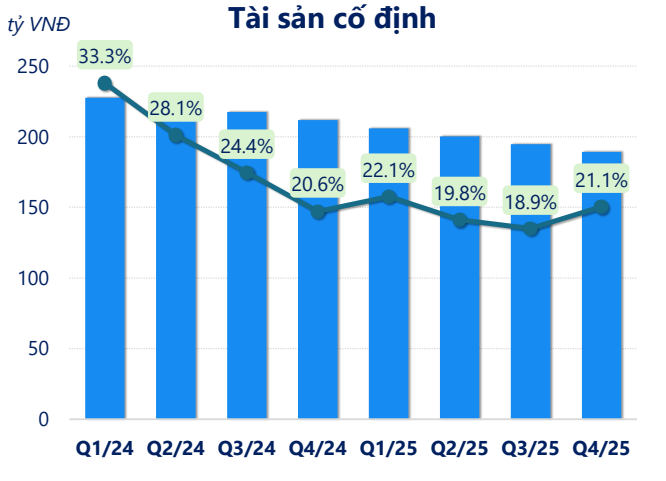
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



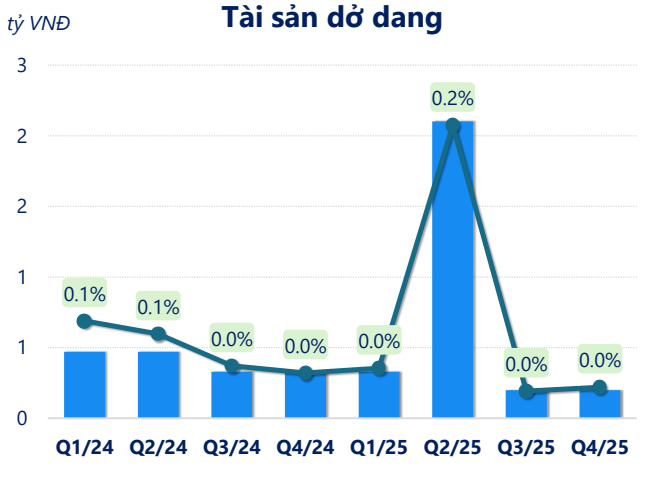
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



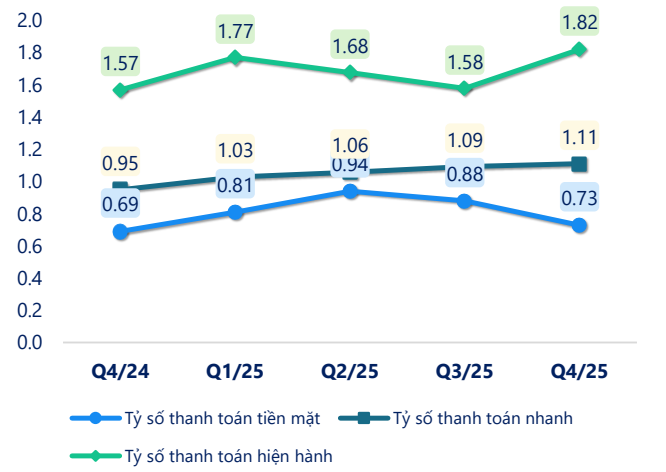
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



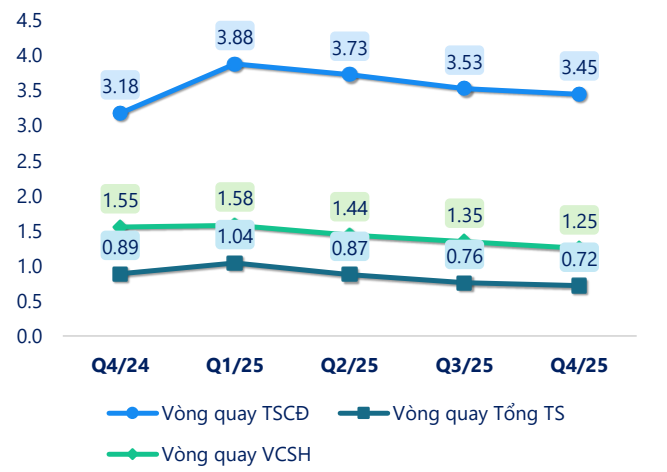
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**1,028**	**933**	**1,013**	**1,030**	**898**
Tài sản ngắn hạn	**738**	**646**	**734**	**758**	**618**
Tiền và tương đương tiền	324	296	412	422	248
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	118	71.5	42.3	99.2	128
Hàng tồn kho	292	271	272	233	241
Tài sản ngắn hạn khác	3.12	7.68	9.06	3.53	2.17
Tài sản dài hạn	**290**	**287**	**279**	**272**	**279**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	212	206	200	195	189
Bất động sản đầu tư	66.9	66.1	65.2	64.4	63.5
Tài sản dở dang	0.33	0.33	2.10	0.20	0.20
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	14.9
Tài sản dài hạn khác	10.7	14.9	11.2	12.7	11.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**475**	**370**	**443**	**485**	**345**
Nợ ngắn hạn	**470**	**365**	**438**	**480**	**340**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	364	266	340	369	244
Phải trả người bán ngắn hạn	27.5	31.3	23.7	18.5	19.5
Nợ dài hạn	5.03	5.03	5.03	5.03	5.03
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**552**	**563**	**570**	**545**	**553**
Vốn chủ sở hữu	**552**	**563**	**570**	**545**	**553**
Vốn điều lệ	469	469	469	469	469
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)